

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :299

Sang : hủ tít thòt bọ viên cá rôl nam mỗp
bap gia hẻ
Sỗa grow
Trỗa : Cỏm tỏm rỏm thòt nam rỏm cá rôl.
Canh cái bọ xỏi tỏm kỏi thòt heo nạc.
Mỏn xỏa: nẫu nẫu
Xe: Nỗc cam
Xe chỏu: mỏ sỏi thòt gỏ nam mỗp bap cá
rỏt gỏ rau hủng

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37031				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Rạm (mười)	1,000	1,060	10,600
2	Tôm kho	200	78,100	156,200
3	Tôm bẻn	4,500	36,020	1,620,900
4	Nộm mằm Cá (loại 1)	1,000	6,160	61,600
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nộm cớt	7,000	3,880	271,600
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gạo tẻ mảy	16,000	2,630	420,800
9	Hủ tít	16,000	1,820	291,200
10	Ngo (bap) tỗi	1,000	4,200	42,000
11	Hạnh lả	1,500	5,460	81,900
12	Hạnh củ tỗi	1,000	6,300	63,000
13	Cá rôl	5,500	5,780	317,900
14	Gia nẫu xanh	2,000	2,730	54,600
15	Mỗp	4,000	4,200	168,000
16	Nam rỏm	2,000	14,180	283,600
17	Hẻ lả	100	5,360	5,360
18	Cái bọ xỏi	6,500	8,190	532,350
19	Nẫu nẫu	3,500	4,200	147,000
20	Rau hủng	100	11,030	11,030
21	Banh chá	1,000	18,700	187,000
22	Mỏ sỏi	7,500	7,700	577,500
23	Thòt lỏn nạc	11,000	18,480	2,032,800
24	Thòt gỏ loại 1	3,000	12,920	387,600
25	Thòt bọ loại 1	2,000	37,800	756,000
26	Cam	25,000	4,620	1,155,000
Cong				9,862,640
	*XUẤT KHO			
27	Sỗa bọt Abbot Grow	5,900	20,500	1,209,500
Cong				1,209,500
Tổng tiền thức phẩm				11,072,140 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộm chi trong ngày				11063000(đ)
Số đồ nẫu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				-9140(đ)
Xuất ăn lủy kẻ tỗ nẫu thang				
Tiêu chuẩn lủy kẻ tỗ nẫu thang				
Tiền chi lủy kẻ tỗ nẫu thang				